

Bản án số: 178/2020/DS - PT

Ngày: 10-9-2020

*“V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản
và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các thẩm phán Ông Trần Quốc Cường

Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Minh Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 10 tháng 09 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1467/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1950. Vắng mặt.

Bà Đặng Thị B1, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Ông Đặng Văn K, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Bà Đặng Thị T2, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Bà Đặng Thị T3, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Bà Đặng Thị N, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Ông Đặng Văn A, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Ông Đặng Văn M, sinh năm 1990. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Trường T, sinh năm 1993, địa chỉ: tỉnh Quảng Nam (theo các văn bản ủy quyền ngày 03/5/2018 và ngày 07/8/2018). Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Đặng Thị T4, sinh năm 1954. Vắng mặt.

Địa chỉ: số 63/2 N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1951. Có mặt.

Địa chỉ: số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L: Ông Nguyễn Cửu H, sinh năm 1965; Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam (theo các văn bản ủy quyền ngày 14/01/2019). Có mặt.

+ Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (văn bản số 2440/UBND ngày 1/9/2020 của UBND thành phố H).

* **Người kháng cáo:** Bị đơn – bà Đặng Thị T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đồng nguyên đơn bà Lê Thị B, bà Đặng Thị B1, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị Thanh T, bà Đặng Thị T1, bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị T3, bà Đặng Thị N, ông Đặng Văn A và ông Đặng Văn M cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Trường T trình bày:

Trước đây vợ chồng ông Đặng Văn C (sinh năm 1912, chết năm 1985) và bà Phạm Thị L1 (sinh năm 1915, chết năm 1995) có tạo lập được một ngôi nhà ngói, tường xây, nền gạch gắn liền với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, diện tích đất 348,8 m² (nay là số nhà 63/2 N; phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam). Vợ chồng ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 có 02 người con gồm ông Đặng Văn B (sinh năm 1947, chết năm 2015) và bà Đặng Thị T4. Từ nhỏ đến lớn 02 người con sống chung với vợ chồng ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 và tạo

lập gia đình, sinh đẻ con cái tại ngôi nhà này, ông Đặng Văn B có vợ là bà Lê Thị B, bà Đặng Thị T4 có chồng là ông Nguyễn Công L. Đến tháng 11/1976, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông Đặng Văn B và bà Lê Thị B đi lập nghiệp vùng kinh tế mới tại tỉnh Đắk Lắk nhưng hàng năm đều đưa gia đình và các con về thăm ông bà, cha mẹ tại thành phố H. Sau khi ông Đặng Văn B chết, vợ chồng bà Đặng Thị T4 cho rằng ngôi nhà và đất tại số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là của vợ chồng ông bà, không phải là tài sản của vợ chồng ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 nên mỗi lần bà Lê Thị B và các con về thăm quê thì bị vợ chồng bà Đặng Thị T4 đối xử lạnh nhạt và không muốn cho vào nhà thăm hỏi, hương khói cho ông bà. Ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 khi chết đều không để lại di chúc nên bà Lê Thị B và các con cho rằng tài sản trên là di sản thừa kế của ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 để lại phải chia cho 02 người con là ông Đặng Văn B và bà Đặng Thị T4.

Tại phiên hòa giải ngày 29/5/2019 và tại phiên tòa đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 chết để lại là giá trị quyền sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, diện tích còn lại sau khi thu hồi là 144,8 m², loại đất ở tại đô thị tại số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Đồng thời, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AD 170391 do ủy ban nhân dân (UBND) thị xã (nay là thành phố) H cấp cho bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L, ngày 04/11/2005 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, diện tích 348,8 m², loại đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm, tại số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Đặng Thị T4 cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Cửu H trình bày:

Ngôi nhà số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là của cha mẹ bà Đặng Thị T4 là ông Đặng Văn C (sinh năm 1912, chết năm 1985) và bà Phạm Thị L1 (sinh năm 1915, chết năm 1995) khai phá, tạo dựng và sinh sống từ năm 1954. Trước đây ngôi nhà nằm trên khu đất trũng, bùn lầy, gian trước lợp tôn, tường xây bằng vôi, gian sau lợp tôn xung quanh, tường bằng tôn, phen tấm nylon, mỗi lần thủy triều dâng lên là khu đất ngập nước. Ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 có 02 người con là ông Đặng Văn B và bà Đặng Thị T4. Sau khi giải phóng, gia đình ông Đặng Văn B chuyển lên tỉnh Đắk Lắk sinh sống làm kinh tế mới, còn bà Đặng Thị T4 ở lại nhà lao động chăm sóc cha mẹ. Đến năm 1979, bà Đặng Thị T4 lập gia đình với ông Nguyễn Công L nhưng do cha mẹ già yếu nên vợ chồng bà Đặng Thị T4 sống chung để chăm lo cho cha mẹ. Năm 1985 ông Đặng Văn C chết, bà Phạm Thị L1 tiếp tục sống với vợ chồng bà Đặng Thị

T4 cho đến khi chết năm 1995. Từ đó đến nay vợ chồng bà Đặng Thị T4 đều lo tang lễ và xây dựng mồ mả cũng như cúng giỗ hàng năm cho cha mẹ, còn vợ chồng ông Đặng Văn B ở xa nên ít khi về thành phố H thăm quê. Năm 1998, ngôi nhà bị sụp đổ do lũ lụt nên ông Đặng Văn B nói vợ chồng bà Đặng Thị T4 vay mượn tiền xây dựng lại nhà ở, thờ cúng cha mẹ và cải tạo đồ đất sân vườn lên cao để tránh lũ lụt. Sau đó, ông Đặng Văn B lập văn bản xin khước từ quyền hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của cha mẹ để lại được UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk xác nhận ngày 24/6/2004, giao cho bà Đặng Thị T4 được toàn quyền quyết định đối với di sản của cha mẹ.

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp được Nhà nước công nhận quyền sử dụng cho vợ chồng bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L trên cơ sở diện tích 64 m² bà Đặng Thị T4 kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP của Chính phủ do cha mẹ là ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 để lại, phần diện tích còn lại do vợ chồng bà Đặng Thị T4 khai phá, san lấp mặt bằng diện tích đất ao trồng rau muống phía sau nhà để quản lý sử dụng. Mặc dù trong Đơn xin khước từ quyền hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Văn B không thể hiện diện tích đất bao nhiêu nhưng thực tế ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 chỉ để lại diện tích đất 64 m² gắn liền với ngôi nhà lợp tôn, tường phen, nền xi măng. Hiện nay thửa đất chỉ còn lại diện tích 144,8 m² do Nhà nước thu hồi để xây dựng Quảng trường Sông Hoài và đường Công Nữ Ngọc Hoa. Đối với số tiền nhận bồi thường sau khi Nhà nước thu hồi phần diện tích đất 222,82 m² tại số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam thì vợ chồng ông Nguyễn Công L và bà Đặng Thị T4 sử dụng để di dời, xây dựng và tu bổ mồ mả của cha mẹ bà Đặng Thị T4.

Do đó, bà Đặng Thị T4 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà là người thừa kế còn lại được hưởng quyền sử dụng đất, còn ngôi nhà trên đất do vợ chồng bà xây dựng.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công L trình bày:

Ông thống nhất với nội dung trình bày của vợ ông là bà Đặng Thị T4. Sau khi ông Đặng Văn B có văn bản xin khước từ quyền hưởng di sản thừa kế theo pháp luật ngày 24/6/2004 thì vợ chồng ông tiến hành các thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời vợ ông đồng ý để cho ông được đồng sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Sau đó, vợ chồng ông được UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ số AD 170391 ngày 04/11/2005 tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, diện tích 348,8 m², loại đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm, tại số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Ngày 24/4/2015, UBND thành phố H thu hồi một phần diện tích đất để mở đường Công Nữ Ngọc Hoa nên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34 giảm xuống chỉ

còn diện tích 144,8 m², loại đất ở đô thị. Như vậy, di sản của ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 đã được phân chia và không còn nên ông không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của vợ và các con của ông Đặng Văn B và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án người đại diện ủy ban nhân dân thành phố H trình bày:

Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34 hiện nay các bên tranh chấp thừa kế được thể hiện qua hồ sơ quản lý đất đai như sau: Hồ sơ đăng ký chính lý năm 1992 là phần diện tích bao gồm toàn bộ diện tích của thửa đất số 143, tờ bản đồ địa chính số 5 phường C, diện tích 64 m², loại đất thổ cư do bà Đặng Thị T4 kê khai đăng ký sử dụng; toàn bộ diện tích của thửa đất số 233, tờ bản đồ địa chính số 5 phường C, diện tích 180 m² (theo sổ mục kê), loại đất thổ cư do ông Đỗ Quý kê khai đăng ký sử dụng và một phần diện tích của thửa đất số 234, tờ bản đồ địa chính số 5 phường C có diện tích 242 m², loại đất bằng chưa sử dụng do Nhà nước quản lý. Hồ sơ theo Nghị định 60/CP của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị là thửa đất số 37, tờ bản đồ địa chính số 34 phường Cẩm Phô có diện tích 446,5 m², loại đất thổ cư do bà Đặng Thị T4 kê khai đăng ký.

Ngày 17/5/2005, bà Đặng Thị T4 có đơn xin cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34. Trên cơ sở nguồn gốc sử dụng đất do UBND phường C xác nhận ngày 04/11/2005, UBND thị xã (nay là thành phố) H cấp GCNQSDĐ số AD 170391 cho bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, diện tích 348,8 m², loại đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm.

Từ những nội dung trên, UBND thành phố H nhận thấy thửa đất hiện nay các bên tranh chấp được UBND thị xã H cấp cho bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L trên cơ sở xác nhận nguồn gốc đất của địa phương là trình tự, thủ tục theo quy định; đồng thời tại thời điểm cấp GCNQSDĐ không có tranh chấp, khiếu nại. Do đó, nội dung yêu cầu của các đồng nguyên đơn về việc hủy GCNQSDĐ số AD 170391 ngày 04/11/2005 của bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L là không có cơ sở.

Tại bản án dân sự thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 34, 37, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 623, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 12, 14, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Lê Thị B, bà Đặng Thị B1, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị Thanh T, bà Đặng Thị T1, bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị T3, bà Đặng Thị N, ông Đặng Văn A và ông Đặng Văn M về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”.

- Giao cho bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, diện tích đất 144,8 m² tại số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

- Bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L phải bồi trả cho bà Lê Thị B số tiền là 11.692.600.000 đồng (Mười một tỷ, sáu trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Hủy GCNQSDĐ số AD 170391 do UBND thị xã (nay là thành phố) H cấp cho bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L ngày 04/11/2005 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, diện tích 348,8 m², loại đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm (được chỉnh lý biến động giảm diện tích còn lại là 144,8 m²) tại số 63/2 N, phường Cẩm Phô, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; thi hành án; và quyền kháng cáo.

Ngày 17/09/2019 bị đơn bà Đặng Thị T4 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên. Không đồng tình hai vấn đề của bản án sơ thẩm; 1, Toàn bộ diện tích thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, diện tích 144,8m² đất ở có nguồn gốc do ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 để lại, 2, “Đơn xin khước từ hưởng di sản thừa kế theo pháp luật” là gian dối. Ngoài ra, bị đơn đề nghị Tòa xem xét lại phần diện tích do bà T4 khai phá, san lấp, bồi đắp ao rau muống, trưng cầu giám định lại chữ ký trên đơn xin khước từ hưởng di sản thừa kế theo pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có kháng cáo, ông Nguyễn Cửu H không có yêu cầu gì về nội dung giám định lại chữ ký như trong đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm và thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Bà Đặng Thị T4, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính trừ đi phần chênh lệch 18,82m² đất cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, sau

khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Bị đơn có kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo: yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét chỉ chia di sản thừa kế là 64m² đất; tính chênh lệch 18,82m² đất mà vợ chồng bà T4 khai phá, ở phiên toà sơ thẩm các bên đã thoả thuận; không đồng ý với việc Toà án cấp sơ thẩm cho rằng “đơn xin khước từ quyền hưởng di sản thừa kế theo pháp luật” là gian dối.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị T4, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Về nội dung bà không đồng ý với bản án sơ thẩm cho rằng: “Đơn xin khước từ quyền hưởng di sản thừa kế theo pháp luật” là gian dối. Thấy rằng tại Kết luận giám định số 84/KLGD-PC54 ngày 12/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam (BL-194) đã kết luận: “Chữ ký đứng tên Đặng Văn B dưới mục “Người làm đơn khước từ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Đặng Văn B trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là không cùng một người ký ra” nên có đủ cơ sở để kết luận chữ ký trong Đơn xin khước từ quyền hưởng di sản thừa kế theo pháp luật (BL 125) không phải là của ông Đặng Văn B. Do đó, việc UBND thị xã (nay là thành phố) H căn cứ vào Đơn xin khước từ quyền hưởng di sản thừa kế theo pháp luật không phải của ông Đặng Văn B ký tên để cấp GCNQSDĐ số AD 170391 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, diện tích 348,8 m², loại đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm, tại số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L ngày 04/11/2005 là không đúng với quy định của pháp luật. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc hủy GCNQSDĐ này là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3.] Về diện tích thửa đất số 37 tờ bản đồ số 34, diện tích 144,8m² có nguồn gốc đất là do ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 để lại. Thấy rằng, mặc dù vợ chồng bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L cũng như người đại diện theo ủy quyền đều cho rằng ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 chết chỉ để lại diện tích đất 64 m², phần diện tích còn lại của thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34 do vợ chồng bà Đặng Thị T4 khai phá, san lấp mặt bằng diện tích đất ao trồng rau muống phía sau nhà. Tuy nhiên, tại Đơn xin cấp GCNQSDĐ do bà Đặng Thị T4 lập ngày 17/5/2005 (BL 241), Tờ trình về việc xét hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho công dân ngày 18/7/2005 và Giấy xác nhận nguồn gốc đất đang sử dụng ngày 17/5/2005 của UBND phường C (BL 250, 252) đều thể hiện nguồn gốc diện tích đất 348,8 m² có trước năm 1980, trong khi đó ông Đặng Văn C chết năm 1985 và bà Phạm Thị L1 chết năm 1995 nên có đủ cơ sở để xác định ngôi nhà và thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, diện tích 348,8 m², loại đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm, tại

số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là tài sản do ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 chết để lại, do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của đồng nguyên đơn đối với di sản của ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 nêu ở trên là có cơ sở và đúng pháp luật.

Về công sức tôn tạo, giữ gìn và quản lý di sản thừa kế, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu là 10% giá trị của di sản thừa kế nhưng người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn chỉ đồng ý 2% giá trị của di sản thừa kế, Hội đồng xét xử xét thấy: Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn thừa nhận ngôi nhà có kết cấu nhà lợp tôn, tường phen, nền xi măng, diện tích 32 m² do ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 chết để lại nhưng hiện nay được vợ chồng bà Đặng Thị T4 sửa chữa, cải tạo nên không tranh chấp và không yêu cầu chia thừa kế. Hơn nữa, phần đất phía sau nhà do vợ chồng bà Đặng Thị T4 có công tôn tạo, san lấp mặt bằng diện tích đất ao trồng rau muống nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận tính công sức tôn tạo, giữ gìn và quản lý di sản thừa kế của vợ chồng bà Đặng Thị T4 là 5% giá trị của di sản thừa kế là phù hợp với thực tế.

[4] Về nội dung yêu cầu tính toán lại phần đất tăng thêm khi đăng ký theo ND64/CP, do bà T4 khai phá, san lấp, bồi trúc hồ rau muống. Vấn đề này ngay trong Bản án sơ thẩm đã nêu: “ Ngoài ra, tại hồ sơ vụ án thể hiện diện tích bà Đặng Thị T4 được cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34 là 348,8m² và diện tích bị thu hồi là 222,82m², diện tích còn lại theo thực tế là 144,8m², chênh lệch thừa 18,82m². Tại phiên toà các đương sự thừa nhận phần diện tích 18,82m² là phần đất có được do vợ chồng bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L khai phá ao rau muống, san lấp mặt bằng tại vị trí phía sau nên người đại diện theo uỷ quyền của đồng nguyên đơn thống nhất không yêu cầu chia phần diện tích đất chênh lệch này, hơn nữa phần diện tích đất này Nhà nước đã thu hồi giải toả làm đường.” Nhưng Toà án cấp sơ thẩm vẫn tính diện tích 144,8m², với tổng giá trị 24.616.000.000 để tính chia thừa kế, mà không trừ đi phần chênh lệch này là không chính xác. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Trường T khẳng định tại giai đoạn sơ thẩm các bên có thoả thuận như vậy và tại phiên toà hôm nay ông T cũng đồng ý thoả thuận tính trừ phần chênh lệch giá trị của 18,82m² cho bị đơn.

Như vậy, di sản thừa kế của ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 chết để lại được tính như sau: Diện tích đất 144,8m² - 18,82m² = 125,98m² x 170.000.000 đồng/m² = 21.416.600.000 đồng, công sức tôn tạo, giữ gìn và quản lý di sản của vợ chồng bà Đặng Thị T4 là 21.416.600.000 đồng x 5% = 1.070.830.000 đồng nên giá trị di sản thừa kế của ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 chết để lại là 20.345.770.000 đồng (21.416.000.000 đồng – 1.070.830.000 đồng).

Ông Đặng Văn C chết năm 1985 và bà Phạm Thị L1 chết năm 1995 đều không để lại di chúc nên di sản của ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 để lại được chia theo pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 không có con riêng, con chung có 02 người là ông Đặng Văn B và bà Đặng Thị T4. Do đó, giá trị di sản thừa kế của ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị L1 chết để lại là 20.345.770.000 đồng được chia cho ông Đặng Văn B và bà Đặng Thị T4, mỗi người được nhận là 10.172.885.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do ông Đặng Văn B chết năm 2015 nên các đồng thừa kế của ông Đặng Văn B gồm vợ và các con của ông Đặng Văn B được nhận kỷ phần thừa kế này. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn thống nhất bà Lê Thị B là người đại diện các đồng thừa kế của ông Đặng Văn B được nhận và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L là người được nhận phần di sản mà bà Đặng Thị T4 được chia thừa kế, đồng thời đề nghị được nhận toàn bộ diện tích đất để tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu ngôi nhà gắn liền trên đất và có nghĩa vụ bồi trả giá trị kỷ phần thừa kế cho vợ và các con của ông Đặng Văn B.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng giao cho bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 144,8 m² thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, loại đất ở tại đô thị, tại số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L phải bồi trả cho bà Lê Thị B số tiền 10.172.885.000 đồng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Nội dung kháng cáo này của bị đơn được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo của bà Đặng Thị T4 về yêu cầu tính trừ diện tích đất mà vợ chồng bà có công khai phá ao rau muống, san lấp mặt bằng tại vị trí phía sau nhà là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Đặng Thị T4 được chấp nhận một phần nên về nguyên tắc phải sửa lại án phí sơ thẩm tuy nhiên đương sự là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Về án phí dân sự phúc thẩm, kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu, mặt khác đương sự thuộc đối tượng miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có

hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

C cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị T4, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 34, 37, 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; các Điều 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 623, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Lê Thị B, bà Đặng Thị B1, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị Thanh T, bà Đặng Thị T1, bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị T3, bà Đặng Thị N, ông Đặng Văn A và ông Đặng Văn M về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”.

- Giao cho bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, diện tích đất 144,8m² tại số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L phải bồi trả cho bà Lê Thị B số tiền là 10.172.885.000 đồng (Mười tỷ, một trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Hủy GCNQSDĐ số AD 170391 do UBND thị xã (nay là thành phố) H cấp cho bà Đặng Thị T4 và ông Nguyễn Công L ngày 04/11/2005 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 34, diện tích 348,8 m2, loại đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm (được chỉnh lý biến động giảm diện tích còn lại là 144,8 m2) tại số 63/2 N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Đặng Thị T4 không phải chịu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành, án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền ý thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường